TÒA ÁN NHÂN DÂN
**HUYỆN TRÙNG KHÁNH**
**TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 59/2022/HS-ST
Ngày 15-6-2022

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nông Quốc Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nông Thế Hạp
2. Ông Hoàng Văn T1

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lý Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:*** Bà Nông Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 15 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 50/2021/TLST-HS ngày 20/5/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HS ngày 02/6/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vi Văn Đ; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Sinh ngày 07 tháng 3 năm 1993 tại QH, TK, CB; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm BL, xã QH, huyện TK, tỉnh CB; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Vi Văn Ch, sinh năm 1954 và bà Ngô Thị M, sinh năm 1957, đều làm nghề trồng trọt và trú tại xóm BL, xã QH, huyện TK, tỉnh CB; Anh chị em ruột: Gia đình bị cáo có 06 anh em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; Vợ: Đinh Thị Th, sinh năm 1995, làm nghề trồng trọt và trú tại xóm BL, xã QH, huyện TK, tỉnh CB (Đã ly hôn); Con: Bị cáo có 01 con, sinh năm 2018;Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng kể từ ngày 10/12/2021. (Có mặt tại phiên tòa);

2. Họ và tên: Hoàng Văn T; Tên gọi khác: Phương; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983 tại YD, CK, PT; Hộ khẩu thường trú: Thôn CT, xã PƯ, huyện SD, tỉnh TQ; Chỗ ở hiện nay: tạm trú tại Tổ dân phố 01, thị trấn TL, huyện TK, tỉnh CB; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Hoàng Văn L, sinh năm

1958 và bà Đỗ Thị Thanh H, sinh năm 1963, đều làm nghề trồng trọt và trú tại Thôn CT, xã PƯ, huyện SD, tỉnh TQ; Anh chị em ruột: Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con cả trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1991, làm nghề lao động tự do và hiện nay đang tạm trú tại Tổ dân phố 01, thị trấn TL, huyện TK, tỉnh CB; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng kể từ ngày 25/02/2022. Đến ngày 16/03/2022, bị cáo được thay thế biện pháp ngăn chặn. (Có mặt tại phiên tòa);

3. Họ và tên: Khằm Văn Ng; Tên gọi khác: không có ; Giới tính: Nam; Sinh ngày 04 tháng 11 năm 1999 tại QH, TK, CB; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm TP, xã QH, huyện TK, tỉnh CB; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Khằm Văn Ph, sinh năm 1978 và bà Vi Thị N, sinh năm 1974, đều làm nghề trồng trọt và trú tại xóm TP, xã QH, huyện TK, tỉnh CB; Anh chị em ruột: Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Trần Hà L, sinh năm 2002, làm nghề trồng trọt và trú tại xóm TP, xã QH, huyện TK, tỉnh CB; Con: Bị cáo có 01 con, sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng kể từ ngày 10/12/2021. (Có mặt tại phiên tòa);

4. Họ và tên: Khằm Văn T; Tên gọi khác: không có ; Giới tính: Nam; Sinh ngày 04 tháng 01 năm 2000 tại Quang Hán, Trùng Khánh, Cao Bằng; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm TP, xã QH, huyện TK, tỉnh CB; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Khằm Văn Ph, sinh năm 1978 và bà Vi Thị Ni, sinh năm 1974, đều làm nghề trồng trọt và trú tại xóm TP, xã QH, huyện TK, tỉnh CB; Anh chị em ruột: Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Vợ, Con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng kể từ ngày 10/12/2021. (Có mặt tại phiên tòa).

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Khằm Văn Ph, sinh ngày 03/01/1978; Nơi cư trú: xóm TP, xã QH, huyện TK, tỉnh CB (Vắng mặt tại phiên tòa);

2. Vi Thị N, sinh ngày 19/02/1974; Nơi cư trú: xóm TP, xã QH, huyện TK, tỉnh CB (Vắng mặt tại phiên tòa);

3. Bà Ngô Thị M; Nơi cư trú: xóm BL, xã QH, huyện TK, tỉnh CB (Vắng mặt tại phiên tòa).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ ngày 10 tháng 12 năm 2021, tổ công tác Công an xã Quang Hán, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng phối hợp với tổ công tác Đồn Biên phòng Cửa khẩu TL tuần tra, kiểm soát tại khu vực xóm TP, xã QH, huyện TK, tỉnh CB phát hiện Khằm Văn Ng, sinh năm 1999 và Khằm Văn T, sinh năm 2000, là hai anh em ruột cùng trú tại xóm TP, xã QH, huyện TK, tỉnh CB điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha Honda, màu trắng, biển kiểm soát 11B1 - 211.78 có biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác ra hiệu lệnh dừng xe kiểm tra thì Khằm Văn Ng và Khằm Văn T bỏ chạy. Tổ công tác đã phối hợp với Công an thị trấn TL, huyện TK, tỉnh CB truy đuổi và khống chế được Ng và T tại tổ dân phố 01, thị trấn TL, huyện TK, tỉnh CB. T1 hành kiểm tra phát hiện Khằm Văn Ng điều khiển xe, Khằm Văn T ngồi sau ôm 01 bao tải màu hồng, bên trong có: 03 (ba) hộp hình khối gồm 100 vật hình trụ liên kết với nhau, vỏ ngoài bọc giấy màu, trên vỏ hộp in chữ Trung Quốc, bên ngoài hộp có gắn dây màu xanh lá, kích thước 03 hộp (24 x 24 x 15) cm; 01 (một) hộp hình khối gồm 36 vật hình trụ liên kết với nhau, vỏ ngoài bọc giấy màu, trên vỏ hộp in chữ Trung Quốc, bên ngoài hộp có gắn dây màu xanh lá, kích thước (14 x 14 x 15) cm. Khằm Văn Ng và Khằm Văn T1 khai các khối hộp trên là pháo của Vi Văn Đ, sinh năm 1993, trú tại xóm BL, xã QH, huyện TK, tỉnh CB. Tổ công tác đã T1 hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh để giải quyết theo thẩm quyền

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh T1 hành cân vật chứng thu giữ, kết quả: 03 (ba) hộp hình khối gồm 100 vật hình trụ liên kết với nhau, vỏ ngoài bọc giấy màu, trên vỏ hộp in chữ Trung Quốc, bên ngoài hộp có gắn dây màu xanh lá, kích thước 03 hộp (24 x 24 x 15) cm có tổng khối lượng 12kg (mười hai kilogam); 01 (một) hộp hình khối gồm 36 vật hình trụ liên kết với nhau, vỏ ngoài bọc giấy màu, trên vỏ hộp in chữ Trung Quốc, bên ngoài hộp có gắn dây màu xanh lá, kích thước (14 x 14 x 15) cm có khối lượng 01kg (một kilogam). Sau đó, trích mẫu gửi giám định. Tại Kết luận giám định số 32/GĐCN, ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: *"02 (hai) vật hình khối hộp bên trong thùng bìa cát tông niêm phong gửi giám định đều là pháo. Loại: pháo hoa nổ"*.

Quá trình mở rộng điều tra xác định được như sau: Vào khoảng đầu tháng 12 năm 2021, Hoàng Văn T, sinh năm 1983, có hộ khẩu thường trú tại thôn CT, xã PƯ, huyện SD, tỉnh TQ, hiện nay tạm trú tại Tổ dân phố 01, thị trấn Trà Lĩnh, huyện TK, tỉnh CB được một người tên V (không rõ họ tên đệm, địa chỉ cụ thể) đặt vấn đề mua pháo. T muốn kiếm lời nên đồng ý. Nhà T thu mua sắt vụn nên Vi Văn Đ mang sắt vụn đến bán cho Hoàng Văn T thì Tự hỏi mua pháo với Đ. Sau đó, Đ

hỏi Khằm Văn Ng về giá pháo tại Trung Quốc. Khoảng 11 giờ ngày 10/12/2021, Ng liên lạc với một người đàn ông Trung Quốc qua phần mềm Wechat để hỏi giá pháo thì người đàn ông Trung Quốc báo giá "pháo loại 100 ống giá 300.000 đồng/01 hộp, pháo loại 36 ống thì giá 100.000 đồng/01 hộp". Nghe xong, Ng điện thoại báo giá từng loại cho Đ.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày 10/12/2021, Đồng rủ Ng sang Trung Quốc mua pháo nhưng Ng đang có việc nên cho em trai là Khằm Văn T thay Ng đi cùng Đ. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Đồng đến nhà Ng, để xe máy ở nhà Ng rồi cùng T1 đi bộ sang Trung Quốc qua mốc 728/2 mua pháo. Trước khi đi, Ng đưa điện thoại cho T1 để tiện liên lạc với người đàn ông Trung Quốc. Trên đường đi, T1 đưa điện thoại cho Đ. Đ và T1 đi sang Trung Quốc, cách mốc biên giới 728/2 khoảng vài mét, đợi khoảng 10 phút có 01 người đàn ông Trung Quốc đến đưa 02 bao tải màu hồng, bên trong có chứa 09 hộp pháo (06 hộp loại 100 ống và 03 hộp loại 36 ống). Đồng đưa cho người đó 1.900.000 đồng. Đ mở 02 bao tải ra kiểm tra thì thấy bên trong là các hộp pháo, có vỏ giống nhau. Đ giao cho T1 vác 01 bao tải bên trong có 03 hộp 100 ống, 01 hộp 36 ống. Đ vác 01 bao tải bên trong có 03 hộp pháo loại 100 ống, 02 hộp loại 36 ống đi qua đường cũ về nhà Ng. Sau đó, Đ trả điện thoại cho T1 và bảo với Ng cùng nhau chở pháo ra đến thị trấn Trà Lĩnh bán. Ng bảo với T1 giúp chở pháo ra thị trấn Trà Lĩnh. T1 đồng ý. Ng điều khiển xe máy BKS 11B1 - 211.78 chở T1 ngồi phía sau ôm bao tải pháo. Đồng điều khiển xe chở 01 bao tải pháo ra thị trấn Trà Lĩnh. Xe của Ng đi trước đến thị trấn Trà Lĩnh thì bị bắt. Còn Đ chở 01 bao tải pháo bên trong có 03 hộp loại 100 ống, 02 hộp loại 36 ống đến bán cho Hoàng Văn T và nhận tiền với T. Sau đó, T bán lại số pháo Đ mang đến cho một người tên V.

Tại cơ quan điều tra, Bị cáo Vi Văn Đ khai nhận do bản thân nghiện ma túy nên đã đi mua pháo về bán lại nhằm mục đích kiếm lời. Trước khi sang Trung Quốc mua pháo cho T, Đ có đến nhà Hoàng Văn T và được Tự đưa 1.900.000 đồng để đi mua pháo. Đ cùng T1 sang Trung Quốc qua mốc 728/2 mua pháo với một người đàn ông Trung Quốc được 02 bao tải. Sau khi mua được pháo về đến nhà Ng, Ng điều khiển xe máy chở T1 chở 01 bao pháo bên trong có 03 hộp 100 ống, 01 hộp 36 ống; Đồng một mình chở 01 bao tải bên trong có 03 hộp pháo loại 100 ống, 02 hộp loại 36 ống đến bán cho T. Trước khi đi, Đồng nói với Ng chở pháo đến thị trấn Trà Lĩnh để Đ mang pháo đi bán xong sẽ chia cho Ng và T1 mỗi người 500.000 đồng. Khi Đ nói cũng có T1 ở đó nhưng T1 nghe thấy hay không thì Đ không rõ. Trên đường đi, Ng và T1 bị bắt. Đ 01 mình chở 01 bao tải pháo đến bán cho T và nhận được tiền công 1.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Đ đi đến chợ TL thì bị bắt, thu giữ trên người 2.100.000 đồng.

Ngoài ra, tối ngày 09/12/2021 Đ và Ng lên mốc 728/2 mua pháo với một người đàn ông Trung Quốc. Mua được pháo, Đ và Ng chở pháo đến đình chợ thị

trấn Trà Lĩnh. Đ cho Ng xuống xe đợi Đ khác đi bán pháo cho Hoàng Văn T, số lượng pháo không nhớ cụ thể bao nhiêu hộp, chỉ nhớ đều là loại pháo 36 ống, mua hơn 1.000.000 đồng và bán cho Hoàng Văn T được hơn 2.000.000 đồng. Lần này Đ chia cho Ng 500.000 đồng.

Hoàng Văn T khai: Khoảng ngày 06, 07/12/2021, Vịnh (không biết họ tên đệm, địa chỉ cụ thể, chỉ biết ở huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang) nhờ mua 05 cốp pháo loại 36 ống. Đến chiều ngày 06 hoặc 07/12/2021, Đ đến nhà T bán sắt vụn, T hỏi Đ về việc mua pháo với Đ.

Khoảng 09 giờ sáng ngày 09/12/2021, T gọi cho Đ hỏi có lấy được pháo không và Đ hẹn là tối 10/12/2021 sẽ mang pháo đến cho, rồi T báo cho V. T và Đ thỏa thuận mua 05 cốp pháo 36 ống với giá 1.500.000 đồng. Đến chiều ngày 10/12/2021, Đ gọi điện thoại cho T hỏi có nhà không. T nói có. Sau đó, hơn 16 giờ cùng ngày Đ đến nhà T nói chắc chắn sẽ mang pháo đến, Đ nói nếu không có loại 36 ống mà còn có loại 100 ống thì Đ bảo T phải thêm tiền nên T đồng ý. Đ nói đưa tiền trước cho Đ nhưng T không đưa mà bảo Đ mang pháo đến mới giao tiền. Sau đó, Đ đi về. Đến khoảng hơn 19 giờ tối ngày 10/12/2021, Đ xách 01 bao tải nhỏ màu hồng vào nhà T. T mở miệng bao tải ra nhìn vào trong bao thì thấy đúng pháo. Tự sờ ngoài bao thấy có 03 cốp loại 36 ống và 02 cốp loại 100 ống. T đưa cho Đ 1.600.000 đồng. Đ nói có thêm loại 100 ống nên T đưa thêm 600.000 đồng, tổng cộng là 2.200.000 đồng. Nhận tiền xong, Đ hỏi có lấy thêm nữa không thì T bảo chỉ lấy thế thôi. Đ đi về. T sách pháo ra ngoài nhà để ở phía bên phải gần đường, cách cây xấu cạnh nhà khoảng 2 mét. Do có hẹn trước, khoảng 20 phút sau có một người tên S (bạn của V) đến lấy pháo. S hỏi bao nhiêu tiền thì T trả lời 2.200.000 đồng. S đặt tiền ở gốc cây xấu. T ra lấy tiền đếm được 2.400.000 đồng (02 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 07 tờ mệnh giá 200.000 đồng). T không biết Đ mua pháo ở đâu.

Khằm Văn Ng khai: sáng 10/12/2021, Ng gọi điện thoại cho Vi Văn Đ hỏi còn lấy pháo không vì ngày 09/12/2021, Ng đã cùng Đ lên mốc 728/2 mua pháo với người đàn ông Trung Quốc về bán 01 lần. Đ nói chiều mới lấy và nhờ Ng hỏi giá pháo bên Trung Quốc. Ng gọi cho người đàn ông Trung Quốc (không biết tên, địa chỉ) qua phần mềm wechat hỏi giá pháo loại 100 ống là 300.000 đồng tiền Việt Nam/ 01 hộp, loại 36 ống là 100.000 đồng tiền Việt Nam/01 hộp. Hỏi xong, Ng gọi điện lại thông báo cho Đ. Khoảng 16 giờ cùng ngày, Đ gọi điện rủ Ng sang Trung Quốc mua pháo, Ng nói đang kéo dây điện ở gần nhà. Khoảng hơn 17 giờ, Đ đi xe máy đến bãi đất trống cạnh nhà Ng. Ng bận nên bảo em trai là Khằm Văn T1 đi cùng Đ sang Trung Quốc mua pháo. T1 đồng ý. Ng đưa cho T1 01 điện thoại di động để liên lạc với người đàn ông Trung Quốc mua pháo. Quá trình T1 và Đ sang Trung Quốc mua pháo không liên lạc gì với Ng. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T1 và Đ vác mỗi người 01 bao tải pháo đến. Đ nói với Ng mang pháo đến thị trấn Trà Lĩnh đợi ở đình chợ để Đ khác mang pháo đi bán và sẽ chia cho mỗi người

500.000 đồng. Ng nói với T1 là chở pháo cho Đ đến thị trấn Trà Lĩnh sẽ được Đ trả công mỗi người 500.000 đồng. T1 đồng ý. Ng điều khiển xe máy chở T1 ngồi phía sau ôm bao tải pháo. Đ điều khiển xe của mình chở 01 bao tải pháo ra thị trấn Trà Lĩnh. Khi hai anh em chở pháo đến thị trấn Trà Lĩnh thì bị bắt quả tang. Ng biết việc Đ mua pháo về bán kiếm lời. Mục đích thực hiện hành vi phạm tội để có tiền mua ma túy sử dụng.

Ngoài ra, vào ngày 09/12/2021, Đ rủ Ng lên mốc 728/2 mua 14 hộp pháo loại 36 ống với một người đàn ông Trung Quốc không biết tên, địa chỉ. Sau khi mua được pháo, Đ chở Ng cùng số pháo trên ra thị trấn Trà Lĩnh bán. Khi đến thị trấn Trà Lĩnh, Đ cho Ng xuống đợi và một mình chở số pháo trên đi bán. Khoảng 15 phút sau, Đ quay lại đưa cho Ng 500.000 đồng, Ng không biết Đ bán cho ai, được bao nhiêu tiền.

Khằm Văn T1 khai: Khoảng 17 giờ ngày 10/12/2021, anh trai là Khằm Văn Ng bảo T1 đi thay Ng sang Trung Quốc cùng Vi Văn Đ mua pháo. T1 đồng ý. Đến khoảng 17 giờ 30 phút, Đồng cùng T1 đi sang Trung Quốc mua pháo. Trước khi đi, Ng có đưa cho T1 01 điện thoại để liên lạc với người đàn ông Trung Quốc mua pháo. Khi đi bộ gần đến mốc biên giới, T1 có đưa điện thoại mà Ng đưa cho Đ để Đ liên lạc mua pháo. Lúc đi đường T1 thấy Đ liên lạc với người Trung Quốc nói mua pháo, nhưng T1 không nghe rõ cụ thể. T1 và Đ bước qua mốc biên giới Việt Nam - Trung Quốc 728/2, sang Trung Quốc khoảng 05 phút thì có 01 nam thanh niên người Trung Quốc đã mang 02 bao tải dứa màu hồng có chứa pháo ra, Đ trả 1.900.000 đồng. Đ xem bên trong bao tải là gì thì thấy có pháo. Đ giao cho T1 vác bao tải chứa pháo chứa 04 hộp, trong đó 03 hộp loại 100 ống, 01 hộp loại 36 ống. Còn Đ vác bao tải chứa 05 hộp, trong đó 03 hộp loại 100 ống, 02 hộp loại 36 ống. T1 cùng Đồng vác đến nhà thì Ng đã đợi sẵn cùng với xe mô tô. Ng bảo T1 đi giúp chở pháo ra thị trấn Trà Lĩnh. T1 đồng ý. Ng điều khiển xe, T1 ngồi sau giữ bao tải pháo đến tổ dân phố 01, thị trấn Trà Lĩnh thì bị bắt quả tang. Đ điều khiển xe chở 01 bao tải chứa pháo đi trước mang ra thị trấn Trà Lĩnh. T1 không biết Đ mang pháo đi đâu, làm làm gì, chỉ thấy Ng bảo là mang pháo đến chợ thị trấn Trà Lĩnh để đợi Đ và được nhận tiền công mỗi người 500.000 đồng. Mục đích thực hiện hành vi phạm tội để có tiền mua ma túy sử dụng.

Ngày 25/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh T1 hành cho Vi Văn Đ và Khằm Văn T1 xác định vị trí mua pháo với người đàn ông Trung Quốc. Kết quả Đ và T1 đều xác định vị trí mua pháo với người đàn ông Trung Quốc là tại phần đất Trung Quốc, cách mốc biên giới 728/2 Việt Nam - Trung Quốc 15 mét.

Vật chứng của vụ án, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số:53/CT-VKSTK ngày 19/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo: Vi Văn Đ và Khằm Văn Ng về Tội buôn bán hàng cấm, quy định tại điểm k khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự; Hoàng Văn T về Tội buôn bán hàng cấm, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự; Khằm Văn T1 về Tội vận chuyển hàng cấm, quy định tại điểm k khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố là đúng, phản ánh đúng diễn biến, hành vi phạm tội, các bị cáo không có ý kiến gì. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án nhẹ nhất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Khằm Văn Ph vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra đã được lấy lời khai và thể hiện yêu cầu được xin lại chiếc xe máy do nguồn gốc xe máy là tài sản của ông Khằm Văn Ph và ba Vi Thị N, việc các bị cáo Khằm Văn Ng và Khằm Văn T1 mang xe đi vận chuyển và Buôn bán hàng cấm gia đình không biết. Nên xin lại chiếc xe máy để gia đình làm phương tiện đi lại.

Bà Ngô Thị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra đã được lấy lời khai và thể hiện yêu cầu được xin lại chiếc xe máy để gia đình làm phương tiện đi lại vì nguồn gốc tiền mua xe là do bà M bỏ ra mua làm phương điện sử dụng phục vụ gia đình, việc bị cáo Đ mang xe đi Buôn bán hàng cấm bà không biết.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm k khoản 2 Điều 190; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo Vi Văn Đ và Khằm Văn Ng từ 5 đến 6 năm tù về Tội buôn bán hàng cấm.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Văn T hình phạt tiền, mức phạt từ 120.000.000 đến 150.000.000đ.

- Áp dụng điểm k khoản 2 Điều 191; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Khằm Văn T1 từ 2 đến 3 năm tù về Tội vận chuyển hàng cấm.

Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ Luật hình sự ; Điều 106 Bộ luật tổ tụng hình sự

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng sau vì liên quan đến hành vi phạm tội và không có giá trị sử dụng:

+ Số pháo còn lại sau khi gửi giám định được niêm phong trong một thùng cát tông;

- Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước:

+ 01(một) chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A52 màu xanh, màn hình cảm ứng số IMEI1: 860777053798296, số IMEI2: 860777053798288, điện thoại đã qua sử dụng;

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Masstel đã hỏng;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+ Số tiền 2.100.000, đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng chẵn) thu của bị cáo Đồng;

+ Số tiền 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn) là tiền bị cáo buôn bán pháo mà có.

- Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp:

+ Bà Vi Thị N 01(một) chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO màu trắng, màn hình cảm ứng số IMEI1: 86368403789XXXX, số IMEI2: 8636840378XXXX, điện thoại đã qua sử dụng; 01( một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 11B1-211.78;

+ Bà Ngô Thị M 01( một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha BKS 11Y1 - 013.XX;

+ Trả lại 01 (một) điện thoại di động, loại bàn phím bấm, nhãn hiệu Masstel màu xanh đã qua sử dụng cho bị cáo Khằm Văn Ng do không liên quan đến vụ án.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Vi Văn Đ, Khằm Văn Ng, Khằm Văn T1 vì các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Đối với bị cáo Hoàng Văn T do hình phạt chính được đề nghị là hình phạt tiền nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm, số lần Buôn bán và vận chuyển hàng cấm, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ nên có cơ sở để kết luận: Hồi 19 giờ ngày 10 tháng 12 năm 2021, tổ công tác Công an xã QH, huyện TK, tỉnh CB phối hợp với tổ công tác Đồn Biên phòng Cửa khẩu TL và Công an thị trấn TL, huyện TK bắt quả tang Khằm Văn Ng, sinh năm 1999 và

Khằm Văn T1, sinh năm 2000, cùng trú tại xóm TP, xã QH, huyện TK, tỉnh CB đang có hành vi vận chuyển 13 kg (mười ba kilogam) pháo hoa nổ.

Quá trình mở rộng điều tra, xác định được Hoàng Văn T, sinh năm 1983, tạm trú tại tổ dân phố 01, thị trấn TL, huyện TK, tỉnh CB là người đặt vấn đề mua pháo với Vi Văn Đ, sinh năm 1993, trú tại xóm BL, xã QH, huyện TK, tỉnh CB để bán cho một người đàn ông tên V nhằm mục đích kiếm lời. Sau đó, Vi Văn Đ trao đổi với Khằm Văn Ng liên hệ với người Trung Quốc để hỏi giá pháo và báo cho Đồng. Vi Văn Đ rủ Khằm Văn Ng sang Trung Quốc qua mốc 728/2 mua pháo về bán nhưng Ng bận nên bảo em trai Khằm Văn T1 đi cùng Đ. Khi Đ và T1 mang pháo về đến nhà Ng. Đ rủ Ng chở pháo ra thị trấn TL để Đ mang đi bán, bán xong trả cho T1, Ng mỗi người 500.000 đồng. Ng bảo với T1 đi giúp chở pháo cho Đ ra đến thị trấn TL. Ng và T1 chở 13 kg (mười ba kilogam) đến tổ dân phố 01, thị trấn TL, huyện TK thì bị bắt quả tang. Vi Văn Đ chở 01 bao tải pháo bên trong có 03 hộp pháo loại 100 ống và 02 hộp pháo loại 36 ống đến bán cho Hoàng Văn T. Sau đó, Hoàng Văn T bán lại số pháo Đồng mang đến cho người đàn ông tên Vịnh với giá 2.400.000 đồng. Khằm Văn Ng biết việc Vi Văn Đ sang Trung Quốc mua pháo về bán. Khằm Văn T1 không biết việc Vi Văn Đ mua pháo về làm gì, chỉ biết đi vận chuyển thuê để nhận tiền công.

Với những căn cứ trên, Hội đồng xét xử khẳng định: Bị cáo Vi Văn Đ và Khằm Văn Ng đã phạm tội theo điểm k khoản 2 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Bị cáo Hoàng Văn T đã phạm tội theo điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và bị cáo Khằm Văn T1 đã phạm tội theo điểm k khoản 2 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

***"Điều 190. Tội buôn bán hàng cấm***

*1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 244, 246, 248, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

*...*

*c) Sản xuất, buôn bán pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam;...*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng, hoặc phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:*

*...*

*k) Buôn bán qua biên giới...;"*

*"**Điều 191. Tội vận chuyển hàng cấm***

*1. Người nào tàng trữ, vận chuyển hàng cấm thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 239, 244, 246, 249, 250, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*...*

*c) Pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam;*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:*

*...*

*k) Vận chuyển qua biên giới...;"*

Hành vi của các bị cáo Vi Văn Đ, Khằm Văn Ng là rất ngiêm trọng, hành vi của bị cáo Khằm Văn T1 và Hoàng Văn T là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất gây nổ, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội và tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, ý thức được việc Buôn bán và vận chuyển hàng cấm là phạm pháp nhưng vẫn bất chấp pháp luật để thực hiện chỉ vì mục đích tư lợi. Hành vi của các bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Buôn bán hàng cấm" và "Vận chuyển hàng cấm". Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện đã truy tố và đề nghị mức án đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với vai trò là đồng phạm giản đơn đều là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của các bị cáo là khác nhau. Cụ thể: Bị cáo Vi Văn Đ và Khằm Văn Ng cùng nhau trao đổi thỏa thuận sang Trung Quốc mua pháo về bán lại kiếm lời nên về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi của các bị cáo là ngang nhau nên chịu mức hình phạt ngang nhau. Bị cáo Khằm Văn T1 mặc dù không được thỏa thuận bàn bạc với các bị cáo Đ và Ng đi mua Pháo về tiêu thụ nhưng bị cáo T1 là người trực tiếp cùng với Vi Văn Đ vượt biên sang Trung Quốc lấy pháo và vận chuyển về Việt Nam để Đ và Ng mang đi tiêu thụ để kiếm lời nhằm mục đích được nhận tiền công. Nên hành vi của bị cáo T1 là vận chuyển hàng cấm được quy định tại điểm k khoản 2 Điều 191, tính chất mức độ hành vi của bị cáo T1 là ít nghiêm trọng hơn các bị cáo Đồng và Ng; Bị cáo Hoàng Văn T là người trực tiếp đặt vấn đề với Vi Văn Đ tìm nguồn pháo mua về bán lại kiếm lời, nhưng giữa T và Đồng không được thỏa thuận là sang Trung Quốc mua pháo về bán lại mà chỉ hỏi Đồng có nơi nào lấy pháo được không để mua lại pháo từ Đ, hành vi của T chỉ bị truy tố theo điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự. Về hành vi của T là ít nghiêm trọng hơn các bị cáo còn lại.

Do đó, khi áp dụng mức hình hình phạt cũng phải xem xét đất tính chất, mức độ nguy hiểm của từng bị cáo mà đưa ra mức án tương xứng đối với từng bị cáo.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải Dó đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra các Bị cáo Vi Văn Đ, Khằm Văn Ng, Khằm Văn T1 là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về nhân thân: Các bị cáo đều chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo Vi Văn Đ, Khằm Văn Ng, Khằm Văn T1 là người nghiện ma túy nên không được coi là có nhân thân tốt. Bị cáo Hoàng Văn T là người có nhân thân tốt.

Từ những phân tích trên xét thất cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội nhất định đối với các bị cáo; Vi Văn Đ, Khằm Văn Ng, Khằm Văn T1 mới đủ để răn đe và giáo dục các bị cáo để trở thành người có ích cho xã hội và gia đình, đồng thời nhằm mục đích răn đe tình hình tội phạm nói chung. Đối với bị cáo Hoàng Văn T, xét thấy không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mà áp dụng hình phạt tiền một khoản tiền nhất định cũng đủ để răn đe đối với bị cáo.

[4]. Về vật chứng:

Về vật chứng: áp dụng điều 47 Bộ Luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng sau vì liên quan đến hành vi phạm tội và không có giá trị sử dụng:

+ Số pháo còn lại sau khi gửi giám định được niêm phong trong một thùng cát tông;

+ 01(một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Masstel đã hỏng;

- Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước các vật chứng sau vì liên quan đến hành vi phạm tội:

+ 01(một) chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A52 màu xanh, màn hình cảm ứng số IMEI1: 86077705379XXXX, số IMEI2: 86077705379XXXX, điện thoại đã qua sử dụng thu của bị cáo Hoàng Văn T;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+ Số tiền 2.100.000, đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng chẵn) đối với bị cáo Vi Văn Đ, do bị cáo phạm tội mà có.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn) đối với bị cáo Hoàng Văn T vì liên quan đến hành vi phạm tội. Xác nhận bị cáo T đã tự Ng nộp vào Chi cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh tại biên lại thu tiền ngày 15/4/2022.

- Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp:

+Trả lại cho bà Vi Thị N: 01(một) chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO màu trắng, màn hình cảm ứng số IMEI1: 86368403789XXXX, số IMEI2: 86368403789XXXX; 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 11B1-211.78;

+ Trả lại cho bà Ngô Thị M 01( một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha BKS 11Y1 - 013.62;

+ Trả lại cho bị cáo Khằm Văn Ng 01(một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Masstel màu xanh đã qua sử dụng;

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Vi Văn Đ, Khằm Văn Ng, Khằm Văn T1 đều là các đối tượng nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định và không

có tài sản riêng đảm bảo thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Hoàng Văn T, do hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về án phí: Các bị cáo là người bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc số pháo thu giữ, Vi Văn Đ, Khằm Văn T1 khai mua với một người đàn ông Trung Quốc không biết tên, địa chỉ. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh không đủ căn cứ xử lý người đàn ông đã bán pháo cho Đ và T1 là đúng quy định của pháp luật.

Đối với người đàn ông tên S và tên V, quá trình điều tra không đủ căn cứ xử lý đối với người tên S và tên V. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh không đề nghị xử lý đối với người tên S và người tên V trong vụ án này là đúng quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Vi Văn Đ, Khằm Văn Ng và Hoàng Văn T phạm tội "Buôn bán hàng cấm"; Bị cáo Khằm Văn T1 phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

- Áp dụng điểm k khoản 2 Điều 190, Điều 17, Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vi Văn Đ 5 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/12/2021;

- Áp dụng điểm k khoản 2 Điều 190, Điều 17, Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Khằm Văn Ng 5 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/12/2021;

- Áp dụng điểm k khoản 2 Điều 191, Điều 17, Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Khằm Văn T1 2 (hai) năm, thời hạn tù tính từ ngày 10/12/2021;

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; Điều 17, Điều 35; Điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T hình thức phạt tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng);

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng sau vì liên quan đến hành vi phạm tội và không có giá trị sử dụng:

+ Số pháo còn lại sau khi gửi giám định được niêm phong trong một thùng cát tông;

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Masstel đã hỏng;

- Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước các vật chứng sau vì liên quan đến hành vi phạm tội:

+ 01(một) chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A52 màu xanh, màn hình cảm ứng số IMEI1: 86077705379XXXX, số IMEI2: 86077705379XXXX, điện thoại đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+ Số tiền 2.100.000, đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng chẵn) Đối với bị cáo Vi Văn Đ, Do bị cáo phạm tội mà có.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 2.400.000đ đối với bị cáo Hoàng Văn T vì liên quan đến hành vi phạm tội. Xác nhận bị cáo T đã tự Ng nộp vào Chi cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh tại biên lai thu tiền ngày 15/4/2022.

- Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp:

+ Trả lại cho bà Vi Thị N: 01 (một) chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO màu trắng, màn hình cảm ứng số IMEI1: 86368403789XXXX, số IMEI2: 86368403789XXXX, điện thoại đã qua sử dụng; ; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 11B1-211.78;

+ Trả lại cho bà Ngô Thị M 01( một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha BKS 11Y1 - 013.XX;

+ Trả lại cho bị cáo Khằm Văn Ng 01(một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Masstel màu xanh đã qua sử dụng;

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Vi Văn Đ, Khằm Văn Ng, Hoàng Văn T và Khằm Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Khằm Văn Ph, Vi Thị N và Ngô Thị M vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Quang Hán *(bằng TB);*
- UBND Thị trấn Trà Lĩnh *(bằng TB);*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các bị cáo; Người có QLNV liên quan;
- Lưu.

**Nông Quốc Hùng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nông Quốc Hùng**